

Số: 197 /BC-UBND

Rạch Giá, ngày 23 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá về công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2026. Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt thực hiện CCHC

Trong 6 tháng đầu năm năm 2026, trên cơ sở kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh; UBND phường đã ban hành 20 kế hoạch¹ và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn phường. Đồng

¹ (1) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/02/2026 của UBND phường về công tác cải cách hành chính năm 2026; (2) Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 03/02/2026 của UBND phường về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026; (3) Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 06/02/2026 về theo dõi việc thi hành pháp luật về vi phạm hành chính năm 2026 trên địa bàn phường; (4) Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 05/02/2026 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026; (5) Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 06/02/2026 về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn phường; (6) Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 06/01/2026 về kiểm tra xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026; (7) Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 03/03/2026 thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 – 2023” trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026; (8) Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND phường về việc kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, công sở năm 2026 trên địa bàn phường; (9) Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của UBND phường về việc thành lập Đoàn Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, công sở năm 2026; (10) Kế hoạch số 08/KH-ĐKT ngày 10/3/2026 của Đoàn Kiểm tra về việc tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện văn hóa công vụ năm 2026; (11) Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 12/02/2026 về chuyển đổi số trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026; (12) Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 31/3/2026 về hành động phát triển Chính phủ số, Chính quyền số trên địa bàn phường Rạch Giá; (13) Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 31/3/2026 về cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Rạch Giá; (14) Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 10/4/2026 về xác định chỉ số cải cách hành chính của các phòng, ban và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND phường Rạch Giá; (15) Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 14/4/2026 về thực hiện công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026; (16) Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 14/4/2026 về kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn phường Rạch Giá; (17) Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 14/4/2026 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026; (18) Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/5/2026 về phát động phong trào thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn phường Rạch Giá; (19) Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 20/5/2026 về nâng cao các chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX), Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn phường Rạch Giá giai đoạn 2026-2030; (20) Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 13/5/2026 về triển khai thực hiện danh mục TTHC thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường; (21) Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13/5/2026 về triển khai thực hiện 100% hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND phường giải quyết đúng hạn và trước hạn.

thời thường đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND triển khai thực hiện kế hoạch công tác CCHC phù hợp với tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị mình, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CCHC năm 2026 tại các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/02/2026 của UBND phường về công tác cải cách hành chính năm 2026 đã đề ra nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn thuộc UBND phường thực hiện công tác CCHC. Đến nay đã hoàn thành 51/76 nhiệm vụ, đạt 67,11%.

2. Công tác kiểm tra CCHC

UBND phường ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 03/02/2026 của về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026. Dự kiến kiểm tra tối thiểu 20% các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường và thực hiện kiểm tra trong quý III năm 2026. Tiếp và làm việc với Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh, qua đó phường xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế để rút kinh nghiệm thực hiện trong thời gian tới.

3. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường phối hợp các đơn vị có liên quan duy trì chuyên mục “Cải cách thủ tục hành chính” phát sóng định kỳ vào thứ Năm và Chủ nhật hàng tuần được 96 lượt. Nội dung tuyên truyền tập trung vào dịch vụ công trực tuyến, danh mục thủ tục hành chính không sử dụng hồ sơ giấy, hỗ trợ dịch vụ công lưu động và mô hình “Hành chính linh hoạt – ngày thứ Bảy phục vụ nhân dân”, đồng thời phối hợp với Báo và Phát thanh Truyền hình An Giang thực hiện 05 tin, bài, phóng sự phản ánh kết quả CCHC trên địa bàn phường. Bên cạnh đó, đăng tải 04 tin bài, phóng sự cùng nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến dịch vụ công trực tuyến trên Fanpage New Rạch Giá và kênh Youtube, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Triển khai xác định Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2026

UBND phường ban hành Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 20/5/2026 về nâng cao các chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX), Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn phường Rạch Giá giai đoạn 2026-2030. Thực hiện Công văn số 4403/SNV-CCHC ngày 23/4/2026 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc phối hợp tổ chức điều tra, khảo sát về thực trạng CCHC trong lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và công vụ, công chức, UBND phường đã tiến hành lấy phiếu khảo sát đối với 10 doanh nghiệp và 30 người dân, nhìn chung kết quả đánh giá đều hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

5. Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC

Để nhiệm vụ được thực hiện xuyên suốt UBND phường đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện công tác CCHC gắn với thực hiện chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

6. Đối thoại với lãnh đạo UBND phường với người dân, doanh nghiệp

Trong kỳ báo cáo, lãnh đạo UBND phường chưa tổ chức đối thoại.

7. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, đồng thời giảm tải người dân đến trực tiếp tại UBND phường để thực hiện thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường đã tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường về triển khai các hoạt động, hỗ trợ, đồng hành cùng người dân ứng dụng chuyển đổi số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến thủ tục hành chính trên địa bàn triển khai thực hiện thí điểm tại 17 khu phố đối với 10 thủ tục hành chính. Kết quả có 165 hồ sơ được hỗ trợ, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến (*trong đó 64 hồ sơ thanh toán trực tuyến, 126 hồ sơ nhận kết quả trực tiếp và 39 hồ sơ nhận kết quả qua bưu chính công ích*). Có 165 hộ gia đình được hướng dẫn thực hiện thao tác nộp hồ sơ trực tuyến, trong đó các khu phố phát sinh nhiều hồ sơ như: khu phố Vĩnh Viễn (phường Vĩnh Hiệp cũ), khu phố Quang Trung (phường Vĩnh Quang cũ), khu phố 7 (phường An Hòa cũ) và Khu phố 3 (phường Rạch Sỏi cũ). Qua thời gian triển khai đã nâng cao sự chủ động của người dân trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, từng bước thay đổi thói quen từ nộp hồ sơ trực tiếp sang hình thức trực tuyến. Bên cạnh đó, việc triển khai cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân được hỗ trợ ngay tại cơ sở, giảm thời gian đi lại và chi phí thực hiện thủ tục, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật

Để đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Đảng ủy, UBND phường luôn quan tâm triển khai quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, xây dựng văn bản QPPL.

Trong 6 tháng đầu năm phường không có ban hành VBQPPL nên không thực hiện việc thẩm định. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện nay có nhiều chuyển biến tích cực như: văn bản ban hành đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, ngôn ngữ diễn đạt đơn giản, xác định rõ nội dung, dễ hiểu, đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp.

- Về tổ chức và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND phường ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 06/02/2026 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026. Trong đó, xác định rõ nhiệm vụ, thời gian thực hiện và nhiệm vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương. Tổ chức tốt các cuộc công tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và hòa giải ở cơ sở; thường xuyên hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ, kiến thức pháp luật đối với công chức theo từng ngành, lĩnh vực.

Tổ chức triển khai quán triệt trong cuộc họp các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. UBND phường ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 05/02/2026 về công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức phường và Nhân dân được 404 cuộc, có khoảng 18.180 lượt người nghe và dự. Ngoài ra thực hiện chuyên mục tuyên truyền pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh phường vào thứ Ba hàng tuần, phát 3 buổi/ngày, chủ yếu tập trung triển khai phổ biến các đạo luật mới và văn bản dưới luật liên quan thiết yếu đến cuộc sống người dân.

- Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm

UBND phường thường xuyên rà soát, theo dõi, kiểm tra các VBQPPL để kịp thời ban hành danh mục các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực.

- Về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Ban hành Báo cáo về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn phường Rạch Giá đúng quy định pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm qua kiểm tra, rà soát không ban hành VBQPPL.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được triển khai nhằm giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết, đơn giản hóa quy trình giải quyết, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, kết nối chia sẻ dữ liệu, hạn chế hồ sơ giấy, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

- Kết quả phân cấp, phân quyền giải quyết TTHC

Thực hiện phân cấp, phân quyền giải quyết TTHC đối với TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh), Chứng thực,... giúp rút ngắn thời gian xử lý, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời tăng tính chủ động và trách nhiệm của cơ quan chuyên môn. Qua đó nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước.

- Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg

UBND phường thực hiện rà soát, cập nhật và triển khai các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg; thực hiện công khai, hướng dẫn người dân và tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo quy định, bảo đảm không phát sinh yêu cầu giấy tờ ngoài quy định.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

UBND phường ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và công tác truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn phường Rạch Giá. Công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại phường được triển khai thường xuyên, đảm bảo kịp thời phát hiện các nội dung bất cập để kiến nghị điều chỉnh. Kết quả chưa có thủ tục hành chính được rà soát, đề xuất cắt giảm hoặc đơn giản hóa.

Thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang, Công văn số 2359/UBND-HCC ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện danh mục giảm 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định. Qua đó UBND phường Rạch Giá thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC đối với 361 thủ tục theo quy định. Các phương án cắt giảm, đơn giản hóa do cấp trên ban hành được thực hiện đầy đủ, đồng thời cập nhật và công khai đúng, đủ. Việc thực hiện các phương án này đã góp phần giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân và tăng tính minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Trung tâm Phục vụ hành chính công được bố trí địa điểm làm việc thuận tiện cho người dân đến giao dịch, đảm bảo diện tích, ánh sáng, hệ thống điện, mạng Internet, camera giám sát và các thiết bị cần thiết phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Trang thiết bị được đầu tư cơ bản đầy đủ như máy vi tính, máy in, máy scan, máy lấy số thứ tự, màn hình hiển thị, đáp ứng yêu cầu vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ, ngành theo mô hình tập trung (cụ thể: 01 máy lấy số thứ tự, 01 máy tra cứu thông tin thủ tục hành chính, 05 màn hình tivi, 29 bộ máy vi tính, 18 máy scan, 19 máy in, 02 máy phô tô,...). Ngoài ra đã lắp đặt, bố trí 08 Camera giám sát xung quanh khu vực của Trung tâm.

Sắp xếp vị trí các quầy tiếp nhận người dân dễ dàng tiếp cận, không phải di chuyển quá nhiều giữa các quầy để hoàn tất TTHC... đảm bảo theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. Ngoài ra, có bố trí phòng tiếp dân khi người dân có nhu cầu gặp trực tiếp lãnh đạo UBND hoặc lãnh đạo Trung tâm. Diện tích tại khu vực tiếp nhận và trả kết quả khoảng 450m². Sắp xếp, bố trí khu vực làm việc, phòng tiếp dân, quầy giao dịch phù hợp khoa học bao gồm: khu vực tra cứu thông tin TTHC; khu vực niêm yết TTHC; khu vực hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến, số hóa; khu vực để người dân viết hồ sơ; khu vực ngồi chờ; khu vực tiếp nhận hồ sơ (10 quầy²).

Về phần mềm ứng dụng: Trung tâm sử dụng thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, bảo đảm liên thông với các phần mềm chuyên ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Việc tiếp nhận, xử lý, ký số và trả kết quả hồ sơ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thời gian giải quyết và hạn chế hồ sơ giấy. Việc ứng dụng các phần mềm này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, hỗ trợ cán bộ, công chức trong việc theo dõi, giám sát tiến độ xử lý, hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hạn, nâng cao chất lượng phục vụ.

Về nhân sự: Bố trí công chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công phù hợp với từng nhóm thủ tục hành chính (TTHC) để đảm bảo việc tiếp nhận và trả kết quả được nhanh chóng. Thông tin về công chức phụ trách từng lĩnh vực được công khai để người dân dễ dàng liên hệ đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Về nhân sự của Trung tâm gồm: có 15 người gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 12 công chức (trong đó đã phân công 09 công chức thuộc Trung tâm thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC cho người dân). Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên phường Rạch Giá cử đến 02 người, Bưu điện Rạch Giá cử đến 01 người).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần thái độ phục vụ nhân dân đúng mực, chưa phát hiện thái độ quan liêu, hách dịch hoặc những nhiễu đối với cá nhân, tổ chức đến giao dịch.

Về cơ chế phối hợp: UBND phường ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 về ban hành quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC tại TTPVHCC giữa TTPVHCC và các phòng chuyên môn thuộc UBND phường đảm bảo đúng quy định. Nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, công khai,

² Quầy số 1: Bảo trợ xã hội, người có công. Quầy số 2: Chứng thực. Quầy số 3: Hộ tịch. Quầy số 4: An toàn thực phẩm; Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; Giáo dục và Đào tạo; Thi đua khen thưởng; Tôn giáo. Quầy số 5: Đăng ký kinh doanh, Hợp tác xã; Kinh doanh khí, Lưu thông hàng hóa. Quầy số 6: Xây dựng; Cung cấp thông tin Quy hoạch; Hạ tầng kỹ thuật. Quầy số 7: Môi trường; Đất đai. Quầy số 8: Đất đai (chi nhánh). Quầy số 9: Trả hồ sơ (chi nhánh), Quầy số 10: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

minh bạch trọng hoạt động giải quyết TTHC và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, cải thiện chất lượng dịch vụ công; Kế hoạch phối hợp số 57/KHPH-UBND-UBMTTQVN ngày 05/5/2026 của UBND phường và UBMTTQVN phường về phối hợp triển khai hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường từ ngày 01/6/2026 đến 31/12/2026 nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số của người dân; từng bước hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và phát huy vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội phường trong công tác hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với hoạt động của Trung tâm PVHCC phường.

Trong 6 tháng đầu năm đã tổ chức 03 cuộc họp giao ban với các phòng chuyên môn thuộc UBND phường để kịp thời nắm bắt tình hình thực tế, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC, khắc phục số hóa hồ sơ. Chủ động phối hợp với các bộ phận chuyên môn để giải quyết nhanh các vướng mắc của người dân, không để tồn đọng hồ sơ quá hạn.

- Kết quả triển khai kiến trúc hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, cấp tỉnh (theo Nghị quyết số 268/NQ-CP ngày 31/8/2025 của Chính phủ)

Hệ thống được kết nối, vận hành ổn định; từng bước tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; góp phần nâng cao hiệu quả xử lý hồ sơ và giảm thời gian giải quyết TTHC.

- Về kiểm soát quy định TTHC

UBND phường chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường rà soát, đánh giá quy định TTHC; kịp thời kiến nghị đơn giản hóa, cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết; đảm bảo tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện.

- Công bố, công khai TTHC

Trung tâm Phục vụ hành chính công kịp thời thực hiện niêm yết công khai các TTHC các biểu mẫu, thời gian giải quyết TTHC theo từng ngành, đảm bảo thích hợp để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận (*có mã QR để thuận tiện cho người dân tra cứu, các quầy tiếp nhận hồ sơ TTHC được ghi rõ theo từng lĩnh vực để người dân dễ dàng tiếp cận*). Công khai địa chỉ, đường dây nóng của UBND phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Ban Giám đốc Trung tâm để kịp thời xử lý những phản ánh, kiến nghị.

+ Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định:

Tổng số TTHC theo công bố của UBND tỉnh: 13 ngành, 80 lĩnh vực, 407 thủ tục (*giảm 02 lĩnh vực, tăng 05 thủ tục so với năm 2025*). Trong đó tổng số TTHC niêm yết công khai và thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm: 396 thủ tục. Tổng số TTHC không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm 11 thủ tục.

Thủ tục hành chính liên thông: 02 thủ tục (Thủ tục hành chính liên thông điện tử về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ

em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất; Nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử).

+ *Công khai TTHC và các quy định có liên quan:*

Quyết định 2441/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về công bố danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định 2442/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định 2443/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Danh mục TTHC triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo theo quy định; Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh An Giang về công bố danh mục TTHC thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang,...

+ *Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia:* 100% hồ sơ.

+ *Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh:* TTHC cấp tỉnh thuộc thẩm quyền công bố của cấp tỉnh, UBND phường không thực hiện công bố TTHC nội bộ.

- ***Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông***

+ *Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường:*

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận: 14.725 hồ sơ, trong đó: số mới tiếp nhận: 14.277 hồ sơ (trực tuyến: 14.276 hồ sơ, đạt 99,99%; trực tiếp: 01 hồ sơ, tỷ lệ 0,01%), số từ kỳ trước chuyển qua: 448 hồ sơ.

Hồ sơ đã giải quyết: 13.388 hồ sơ, đạt 90,92% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn: 13.367 hồ sơ (đạt 99,84%).

Hồ sơ quá hạn: 21 hồ sơ (chiếm 0,16%). Trong đó hồ sơ trễ hạn các lĩnh vực: hộ tịch 05 hồ sơ, hoạt động xây dựng 04 hồ sơ, lưu thông hàng hóa trong nước 01 hồ sơ, đăng ký quản lý cư trú 03 hồ sơ, đất đai 08 hồ sơ.

Hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 944 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết.

Hồ sơ dừng xử lý, hủy: 393 hồ sơ.

+ *Tỷ lệ thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh:* 100% thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận phi địa giới hành chính

theo quy định. Từ đầu năm đến nay tại UBND phường Rạch Giá chưa phát sinh đối với hồ sơ phi địa giới hành chính.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 99,84%

+ Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC: Đối với 21 hồ sơ trễ hạn đã thực hiện việc xin lỗi người dân theo đúng quy định tại khoản 6, Điều 19, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

- Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn, UBND phường triển khai lấy ý kiến cá nhân, tổ chức bằng phiếu khảo sát để đo lường sự hài lòng của người dân bằng hình thức quét mã QR sử dụng Google form để thu thập thông tin phản hồi và tổng hợp, phân tích, đánh giá. Kết quả từ ngày 01/01/2026 đến 11/6/2026 có 69 ý kiến đóng góp, qua các ý kiến có trên 95% ý kiến đạt được sự hài lòng của người làm thủ tục. Trong đó người dân đánh giá cao thái độ phục vụ, thời gian giải quyết hồ sơ đúng hạn và tính công khai, minh bạch của thủ tục. Bên cạnh đó, vẫn còn một số hạn chế như một số hồ sơ phải bổ sung nhiều lần, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn khó khăn đối với một bộ phận người dân.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (của cơ quan, đơn vị, địa phương):

Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ là 11 trường hợp. Trong đó: Số phản ánh kiến nghị về quy định hành chính: 11 trường hợp; Số phản ánh kiến nghị về hành vi hành chính: 0.

Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 11 trường hợp; số đã công bố công khai: 11 trường hợp.

Số phản ánh kiến nghị đang xử lý: 0

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị

+ Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn cấp xã: Sau khi hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các cơ quan, đơn vị đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động. Phường Rạch Giá hiện có 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Văn hóa - Xã hội), 01 tổ chức hành chính khác (Trung tâm Phục vụ hành chính công). Trong 6 tháng đầu năm, tiếp tục sử dụng các

Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng phòng chuyên môn đã ban hành từ ngày 01/7/2025.

+ *Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí:* Thực hiện việc điều động, bổ nhiệm lãnh đạo các cơ quan chuyên môn theo quy định số lượng tại Điều 6 Nghị định 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ *Thực hiện sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định:*

Tiếp nhận nguyên trạng 09 Trạm Y tế và 73 nhân sự từ Sở Y tế, Trung tâm Y tế Rạch Giá về UBND phường quản lý;

Tham mưu ban hành Đề án và Quyết định thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Rạch Giá trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh phường; Ban quản lý Trung tâm thương mại và Trật tự đô thị phường.

Tham mưu UBND phường xây dựng Đề án và Quyết định thành lập 03 Trạm Y tế trực thuộc UBND phường Rạch Giá (Trạm Y tế Rạch Giá 1, Trạm Y tế Rạch Giá 2, Trạm Y tế Rạch Giá 3) trên cơ sở hợp nhất từ 09 Trạm cũ (Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Lạc, An Hòa, Vĩnh Hiệp, An Bình, Rạch Sỏi và Vĩnh Lợi).

- Về thực hiện các quy định về quản lý biên chế

+ *Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính:*

Phường ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026. Qua đó biên chế tạm giao năm 2026 là 2.053 người, đến nay số lượng biên chế có mặt 1.757 người, đạt 85,58% biên chế được giao.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước

Việc phân cấp, phân quyền từ cấp tỉnh xuống cấp xã đã được triển khai theo đúng các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, từng bước làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp chính quyền. Một số lĩnh vực đã thực hiện phân cấp cơ bản rõ ràng như: quản lý đất đai, xây dựng, tài chính - ngân sách, nội vụ và một số dịch vụ hành chính công, cụ thể như sau:

- Về phân cấp nhiệm vụ: Lĩnh vực đất đai 07 nhiệm vụ, Nông nghiệp và Môi trường 04 nhiệm vụ, xây dựng 06 nhiệm vụ, tài chính 24 nhiệm vụ, Y tế 01 nhiệm vụ, Nội vụ 24 nhiệm vụ, Văn hóa 01 nhiệm vụ.

- Về phân ủy quyền nhiệm vụ: Lĩnh vực đất đai 44 nhiệm vụ, tài chính 02 nhiệm vụ, Y tế 01 nhiệm vụ, Nội vụ 02 nhiệm vụ, nhà ở 01 nhiệm vụ, quy hoạch 03 nhiệm vụ, chứng thực 02 nhiệm vụ.

Việc xác định nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã và các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền được UBND phường Rạch Giá triển khai trên cơ sở các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, các Nghị định, văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh An Giang; đồng thời cụ thể hóa tại Quy chế làm việc của UBND phường và Quyết định phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND phường nhiệm kỳ 2026-2031.

Qua triển khai thực hiện cho thấy các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cấp xã cơ bản đã được xác định rõ, nhất là các lĩnh vực trực tiếp phục vụ người dân như hộ tịch, chứng thực, bảo trợ xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa. Các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền từ cấp tỉnh về cơ bản phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở. Việc ủy quyền trong nội bộ UBND phường được thực hiện kịp thời, đúng quy định, bước đầu phát huy hiệu quả, giảm tải cho lãnh đạo UBND phường, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn.

+ *Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã*

Qua triển khai thực hiện, việc phân cấp, ủy quyền trong các lĩnh vực đất đai, tài chính, xây dựng, nội vụ... từng bước phát huy hiệu quả, giúp rút ngắn quy trình giải quyết công việc, giảm áp lực cho cấp trên, đồng thời tạo điều kiện để cấp xã chủ động hơn trong quản lý và phục vụ người dân. Công tác cung ứng dịch vụ công được cải thiện, tạo thuận lợi cho người dân, nhất là trong tiếp cận các thủ tục hành chính tại địa phương. Tuy nhiên, còn chưa đồng bộ với việc bảo đảm các điều kiện thực hiện, biên chế của phường chưa được giao và bổ sung số lượng cụ thể tương xứng với khối lượng công việc tăng thêm; cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và kinh phí hoạt động còn chưa đảm bảo, chưa thông suốt, đồng bộ; trình độ dân trí và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin của một bộ phận người dân còn hạn chế.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

+ *Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý*

Điều chỉnh vị trí việc làm công chức tại các phòng chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND phường Rạch Giá theo nội dung Công văn số 552/UBND-TH ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện quy định của Chính phủ về vị trí việc làm công chức tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tuyển dụng công chức, viên chức

+ *Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp xã*

Công tác tuyển dụng, tiếp nhận và bổ sung nguồn nhân lực tại UBND phường Rạch Giá được triển khai bảo đảm đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính. Hiện nay, việc tuyển dụng công chức mới đang chờ kế hoạch tổ chức thi tuyển của UBND tỉnh; tiếp nhận vào làm công chức đối với 06 trường hợp viên chức (trong đó có 02 trường hợp được tiếp nhận và bố trí giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 04 trường hợp được tiếp nhận vào làm công chức chuyên môn); thực hiện ký kết 08 hợp đồng theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc ủy quyền ký kết hợp đồng thực hiện công việc theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp nhận vào làm công chức đối với 21 người hoạt động không chuyên trách phường.

- Về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý

+ *Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý:* UBND phường ban hành 10 Quyết định điều động, bổ nhiệm công chức và viên chức quản lý trên địa bàn phường.

- Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

UBND phường ban hành Quyết định và Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ năm 2026 trên địa bàn phường. Trong 6 tháng đầu năm chưa thực hiện kiểm tra.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026; đồng thời triển khai chiêu sinh các lớp theo Công văn của Sở Nội vụ.

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức

Đến nay việc cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức phường đạt 100%.

5. Cải cách tài chính công

- Về tổ chức thực hiện công tác tài chính – ngân sách

+ *Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước:* tổng kế hoạch vốn 268,526 tỷ đồng, lũy kế giải ngân đến nay 61,026 tỷ đồng, đạt 22,7% kế hoạch.

+ *Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước:* thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản công; thanh lý và mua sắm tài sản theo quy định; công khai dự toán hàng quý.

+ *Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:* Không có.

- Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công

+ *Về ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:* UBND phường ban hành Quyết định giao quản lý, sử dụng tài sản công cho 54 cơ quan, đơn vị trực thuộc và Quyết định ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn phường. Qua đó, các cơ quan, đơn vị và phòng, ban chuyên môn đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị mình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế.

+ *Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:* thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ *Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý:* sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, UBND phường tiếp nhận quản lý toàn bộ tài sản công của các đơn vị được sáp nhập, bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc phạm vi quản lý. Hiện phường đang quản lý 206 thửa đất công; 195 cơ sở nhà, đất, trong đó có 28 cơ sở đôi dư đang được tạm giao để xây dựng phương án khai thác, xử lý.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ *Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên:* 01

+ *Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:* 0

+ *Số đơn vị SNCL do NSBB bảo đảm toàn phần:* 01

+ *Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL:* thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ *Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:*

Trong kỳ báo cáo, UBND phường đã tiếp nhận 14.276/14.277 hồ sơ trực tuyến (đạt tỷ lệ 99,99% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận). Các lĩnh vực có tỷ lệ nộp trực tuyến cao gồm: chứng thực, hộ tịch, bảo trợ xã hội, đất đai, đăng ký kinh doanh,... Công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến được thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn, tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân.

Ngoài ra, chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công phường triển khai Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Danh mục TTHC triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo theo quy định và ban hành Thông báo số 07/TB-TTPVHCC ngày 03/10/2025 về việc triển khai thực hiện 25 nhóm dịch vụ công (DVC) toàn trình thực hiện thủ tục hành chính trên ứng dụng VNeID và Cổng Dịch vụ công Quốc gia, qua đó đã triển khai thông báo đến các

khu phố, công chức, viên chức và các cơ quan tổ chức, cá nhân trên địa bàn chi tiết 25 DVC trực tuyến toàn trình, người dân sẽ không cần nộp hồ sơ giấy thay vào đó sẽ thực hiện hoàn toàn trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc ứng dụng VNeID và niêm yết công khai danh sách 25 DVC thiết yếu tại Trung tâm. Từ đó tạo sự tích cực tham gia, sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản định danh điện tử phổ biến trong thực hiện các thủ tục hành chính và các giao dịch dân sự hàng ngày.

+ *Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:*

Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận: 100%.

Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: 99,74%.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ: 93,84%.

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức:

+ *Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định:* Cổng thông tin điện tử được duy trì, vận hành ổn định, cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, phục vụ kịp thời việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến.

+ *Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC:* Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được triển khai, vận hành đồng bộ, bảo đảm tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ đúng quy trình, liên thông với các hệ thống có liên quan.

Tổ chức triển khai thực hiện, vận hành, tiếp nhận hồ sơ TTHC trên các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các Bộ, ngành theo mô hình tập trung gồm: ngành Khoa học và Công nghệ, ngành Xây dựng, ngành Nông nghiệp và Môi trường, ngành Nội vụ, ngành Công Thương, ngành Y tế, ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Dân tộc và Tôn giáo, ngành Tư pháp, ngành Văn hóa – Thể thao và Du lịch,... Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các phòng chuyên môn triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong chuyển đổi hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

+ *Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC:* công tác số hóa hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính được triển khai thường xuyên; hồ sơ tiếp nhận được cập nhật, lưu trữ điện tử theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC.

+ *Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:* 171 thủ tục dịch vụ công trực tuyến toàn trình /399 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ 42,86%.

+ *Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình:* 9.869/14.277 hồ sơ, tỷ lệ 69,13%

+ *Thực hiện thanh toán trực tuyến:* 3.578/3.731 hồ sơ, tỷ lệ 95,90%, với số tiền 117.498.000 đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

UBND phường đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC ở địa phương, đạt nhiều kết quả tích cực, tiến bộ; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, nâng cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC; thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, chú trọng tuyên truyền trên phương tiện truyền thông và tuyên truyền qua các hình thức khác phù hợp; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý chấn chỉnh các vấn đề phát sinh hạn chế, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác CCHC.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ, hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn tăng lên, tỷ lệ hồ sơ trễ hạn giảm dần. Công tác điều động, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định; về thực hiện công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng lên, tạo chuyển biến về tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ công chức viên chức. Công tác tài chính công triển khai theo kế hoạch, thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công đạt tỷ lệ cao. Bộ phận một cửa được quan tâm đầu tư các trang thiết bị nhằm giải quyết tốt thủ tục hành chính của tổ chức cá nhân. Lễ lối làm việc, văn hóa ứng xử, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ công chức viên chức được nâng lên.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Việc triển khai thực hiện công tác rà soát đơn giản hóa các quy định về TTHC còn hạn chế. Một số hồ sơ vẫn còn xảy ra tình trạng trễ hạn. Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh truy cập có lúc chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ. Sáng tạo, đổi mới trong công tác cải cách hành chính chưa nhiều.

Số liệu tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành chưa đồng bộ về Hệ thống thông tin, giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh nên khó khăn trong việc thống kê báo cáo và theo dõi hồ sơ. Việc thực hiện thanh toán trực tuyến thường xuyên xảy ra lỗi, phải thực hiện nhiều lần.

Dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đồng bộ (có những hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC không báo là trễ hạn nhưng trên Cổng DVC quốc gia báo trễ hạn; Thanh toán trực tuyến Hệ thống tỉnh báo đã thanh toán nhưng Cổng DVC quốc gia không ghi nhận,...).

Trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, hiện nay đang thiếu nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn người dân do cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách nghỉ theo chế độ tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP. Tình trạng

này ảnh hưởng đến tiến độ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, gây khó khăn cho việc đảm bảo chất lượng phục vụ nhân dân.

Công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính một số cơ quan, đơn vị chưa được nhịp nhàng, dẫn đến còn hồ sơ trễ hạn; một số công chức phường thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết TTHC có mặt còn hạn chế.

b) Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ yếu do hạ tầng kỹ thuật và máy chủ của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh chưa ổn định, đôi lúc quá tải dẫn đến truy cập chậm, phát sinh lỗi kỹ thuật. Việc tích hợp, kết nối giữa Hệ thống của tỉnh và Cổng DVC quốc gia chưa đồng bộ hoàn toàn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể; phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt chương trình, kế hoạch thực hiện công tác CCHC 6 tháng cuối năm 2026. Rà soát toàn diện các nhiệm vụ CCHC theo phân công của kế hoạch chỉ đạo của tỉnh, các kế hoạch thực thi trên các lĩnh vực CCHC do các cơ quan chuyên môn chủ trì; tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2026.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, đảm bảo 100% văn bản đã ban hành được tự kiểm tra, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời những văn bản vi phạm theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, Thông tư số 03/2025/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và các văn bản có liên quan.

4. Tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ theo quy định; số hóa, chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thu phí, lệ phí, các nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định. Tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc liên quan đến cán bộ, công chức và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết TTHC; chuyển ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền đến tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến,

nhất là thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ khi tiếp nhận TTHC và số hóa, cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử cho các tổ chức, cá nhân (*thành phần hồ sơ đầu vào, kết quả đầu ra phải được ký số*) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Nâng cao bộ chỉ số chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, duy trì năm trong mức tốt trở lên.

6. Tiếp tục rà soát và niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; kịp thời cập nhật, điều chỉnh theo các Quyết định công bố mới của UBND tỉnh, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và thống nhất trong quá trình thực hiện. Đồng thời, tăng cường công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, tổ chức. Đảm bảo 100% hồ sơ được xử lý đúng hạn và trước hạn; đảm bảo cắt giảm 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo kế hoạch công tác năm 2026.

7. Tiếp tục việc thực hiện “Điểm hỗ trợ, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại cộng đồng dân cư trên địa bàn”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân vận động người thân trong gia đình, tích cực tham gia nhằm lan tỏa rộng rãi và nâng cao hiệu quả thực hiện.

8. Tiếp tục rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường theo các thông tư của Bộ và hướng dẫn của UBND tỉnh. Triển khai Đề án vị trí việc làm của đơn vị hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập khi được UBND tỉnh phê duyệt.

9. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên đảm bảo tiêu chuẩn và vị trí việc làm quy định.

10. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách để bảo đảm chi thường xuyên và chi cho đầu tư cho phát triển; tiếp tục nghiên cứu, cải tiến việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính Nhà nước, vận hành, thực hiện tốt phần mềm văn phòng điện tử; phần mềm một cửa điện tử trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC. Nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử phường, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

*** Kiến nghị UBND tỉnh**

Kiến nghị UBND tỉnh xem xét về chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức,

viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp³.

* **Kiến nghị các Sở, ngành:** Hỗ trợ xử lý khó khăn, vướng mắc trên hệ thống của Bộ, ngành.

* **Kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh:**

- Hỗ trợ, rà soát, điều chỉnh các biểu mẫu và cách tính các chỉ số đảm bảo thống nhất giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Hỗ trợ, hướng dẫn về việc thực hiện phối hợp về nhận và trả hồ sơ Phi địa giới hành chính.

* **Kiến nghị Công an tỉnh:** Hỗ trợ, hướng dẫn, điều chỉnh xuất thông tin Cơ sở dữ liệu dân cư, có thông tin ngày cấp Căn cước công dân.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- CT và các PCT.UBND phường;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- Lưu: VT, ntngoc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Hồng Tuấn

³ Một số tỉnh đã thực hiện như **Đồng Nai** (theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai); **Nghệ An** (theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An).



Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, Công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	20		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%			
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ			
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ			
3.	Kiểm tra CCHC				Sở Nội vụ báo cáo
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	$=b/a*100$		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b		
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao				Văn phòng UBND tỉnh báo cáo
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			

4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0			Số Nội vụ báo cáo
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	40			
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 40 Phát phiếu = 0 Kết hợp = 0			
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		0	Văn phòng UBND tỉnh báo cáo



Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.



Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	287		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	14		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	38		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	407		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0		
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	407		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	97,3		
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	407		
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	0		

3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	0		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,84		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	13.388		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	13.367		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100		
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	11		
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	11		



Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban			
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	=a+b+c		
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		a	
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		b	
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	45	c	
2.	Số liệu về biên chế công chức				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	255		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	104		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	5		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				

3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.798		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.628		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	9		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			



Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Đang chờ hướng dẫn từ tỉnh
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Đang chờ hướng dẫn từ tỉnh
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	21	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		=a+b+c+d	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		a
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		b
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	c
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	d

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	22.7	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	268.526	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	61.026	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lấy kể đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	45	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	21	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	21	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	23	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		



Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

'STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	Tổng số DVCTT đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	171	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	171	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	99,99	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	58	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	58	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	9.869	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	9.869	
4.4	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	%	99,98	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	4.408	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	4.407	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	28	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	28	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	28	